



BỘ XÂY DỰNG  
CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY  
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 97 /TBHH-CHHĐTVN

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2025

## THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật khu nước trước cầu cảng số 5, 6, 7 (vùng đậu tàu),  
vùng quay trở tàu và vùng nước kết nối – Bến cảng Nam Đình Vũ của  
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ.

Vùng biển: Hải Phòng.

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy  
định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động  
hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ về  
sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

Xét Đơn đề nghị công bố thông báo hàng hải số 21.08/2025/CV/NDV ngày  
21/8/2025 của Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ;

Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thông báo về thông số kỹ thuật khu  
nước trước cầu cảng số 5, 6, 7 (vùng đậu tàu), vùng quay trở tàu và vùng nước kết  
nối - Bến cảng Nam Đình Vũ của Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ như sau:

### 1. Vùng nước trước cầu cầu cảng bến số 5,6,7 (vùng đậu tàu):

| Tên<br>điểm | Hệ tọa độ VN2000 Lo=105°45', Mc = 3° |           |             |              | Hệ tọa độ WGS-84 |              |
|-------------|--------------------------------------|-----------|-------------|--------------|------------------|--------------|
|             | X(m)                                 | Y(m)      | B(N)        | L(E)         | B(N)             | L(E)         |
| B1          | 2304231.30                           | 610310.77 | 20°49'42.9" | 106°48'35.4" | 20°49'39.3"      | 106°48'42.2" |
| B2          | 2304231.30                           | 610970.77 | 20°49'42.8" | 106°48'58.2" | 20°49'39.2"      | 106°49'05.0" |
| KN6-3       | 2304321.30                           | 610970.79 | 20°49'45.7" | 106°48'58.3" | 20°49'42.1"      | 106°49'05.0" |
| KN7-3       | 2304321.30                           | 610310.77 | 20°49'45.8" | 106°48'35.4" | 20°49'42.3"      | 106°48'42.2" |

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước  
"số 0 hải đồ" đạt: 9,50m (chín phẩy năm mét).

### 2. Vùng quay trở tàu:

| Tên<br>điểm | Hệ tọa độ VN2000 Lo=105°45', Mc = 3° |           |             |              | Hệ tọa độ WGS-84 |              |
|-------------|--------------------------------------|-----------|-------------|--------------|------------------|--------------|
|             | X(m)                                 | Y(m)      | B(N)        | L(E)         | B(N)             | L(E)         |
| O1          | 2304441.75                           | 610482.07 | 20°49'49.7" | 106°48'41.4" | 20°49'46.1"      | 106°48'48.2" |

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 hải đồ" đạt: 8,50m (tám phẩy năm mét).

### 3. Vùng nước kết nối:

| Tên điểm | Hệ tọa độ VN2000 $Lo=105^{\circ}45'$ , $Mc = 3^{\circ}$ |           |                       |                        | Hệ tọa độ WGS-84      |                        |
|----------|---------------------------------------------------------|-----------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
|          | X(m)                                                    | Y(m)      | B(N)                  | L(E)                   | B(N)                  | L(E)                   |
| KN7-3    | 2304321.30                                              | 610310.77 | $20^{\circ}49'45.8''$ | $106^{\circ}48'35.4''$ | $20^{\circ}49'42.3''$ | $106^{\circ}48'42.2''$ |
| KN8-3    | 2304595.29                                              | 610310.91 | $20^{\circ}49'54.8''$ | $106^{\circ}48'35.5''$ | $20^{\circ}49'51.2''$ | $106^{\circ}48'42.3''$ |
| KN9-3    | 2304491.49                                              | 611279.02 | $20^{\circ}49'51.2''$ | $106^{\circ}49'09.0''$ | $20^{\circ}49'47.6''$ | $106^{\circ}49'15.7''$ |
| KN2-3    | 2304231.30                                              | 611097.15 | $20^{\circ}49'42.7''$ | $106^{\circ}49'02.6''$ | $20^{\circ}49'39.2''$ | $106^{\circ}49'09.4''$ |
| B2       | 2304231.30                                              | 610970.77 | $20^{\circ}49'42.8''$ | $106^{\circ}48'58.2''$ | $20^{\circ}49'39.2''$ | $106^{\circ}49'05.0''$ |
| KN6-3    | 2304321.30                                              | 610970.79 | $20^{\circ}49'45.7''$ | $106^{\circ}48'58.3''$ | $20^{\circ}49'42.1''$ | $106^{\circ}49'05.0''$ |

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 hải đồ" đạt: 8,50m (tám phẩy năm mét).

### HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Các phương tiện thủy khi ra, vào, neo đậu tại vùng nước trên tuân thủ theo sự điều động của Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng.

*Ghi chú:* Truy cập nội dung công bố thông báo hàng hải tại địa chỉ <https://www.vimawa.gov.vn/vi/thong-bao-hang-hai>

#### Nơi nhận:

- Cục trưởng (để b/c);
- Các Cảng vụ hàng hải (Thông báo trên website);
- Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam (thông báo trên website);
- Cty TNHH MTV HTHH miền Bắc – Hoa tiêu II;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam (thông báo trên đài thông tin duyên hải);
- Trung tâm PHTKCN hàng hải khu vực I;
- Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vỹ;
- Website Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- Lưu: VT, KCHT<sub>NDH</sub>.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Nguyễn Đình Việt**